

Số: 1830/QĐ-ĐHM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 389/TTg ngày 26/07/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg ngày 22/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 31/2021/TT-BGDĐT ngày 10/11/2021 quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04/03/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập; Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT của Hội đồng trường tại phiên họp Hội đồng trường thường kỳ ngày 12 tháng 7 năm 2022;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Nhân sự tại Tờ trình số 327/TTr-TCNS ngày 14/07/2022.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Lãnh đạo các đơn vị và toàn thể viên chức của trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCNS, (5).



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hà



QUY ĐỊNH

Về việc thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1830/QĐ-ĐHM ngày 15/07/2022 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định và hướng dẫn thực hiện các quy định về nguyên tắc xét duyệt; tiêu chuẩn, điều kiện; nội dung, hình thức; nguyên tắc xác định người trúng tuyển; nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương; hồ sơ ứng viên; hỗ trợ kinh phí; quy trình thực hiện trong việc thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quy định này áp dụng đối với viên chức hạng III trở lên của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

3. Quy định này chỉ quy định về việc chuyển chức danh đối với trường hợp chuyển sang chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III)

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Chức danh nghề nghiệp” là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp;

2. “Thay đổi chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức được bổ nhiệm vào một chức danh nghề nghiệp khác phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm đang đảm nhiệm;

3. “Hạng chức danh nghề nghiệp” là cấp độ thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp;

4. “Thăng hạng chức danh nghề nghiệp” là việc viên chức được bổ nhiệm giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn trong cùng một lĩnh vực nghề nghiệp.

5. “Nhiệm vụ khoa học và công nghệ” là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ, bao gồm đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ các cấp.

6. “Sách phục vụ đào tạo” là sách có nội dung khoa học và tính sư phạm, được sử dụng để đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành,

chuyên ngành viên chức đang giảng dạy và có mã số chuẩn quốc tế ISBN, bao gồm:

a) “Giáo trình” là tài liệu giảng dạy, học tập có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng được Hiệu trưởng duyệt, lựa chọn hoặc được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;

b) “Sách chuyên khảo” là công trình khoa học trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành;

c) “Sách tham khảo” là công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng, được cơ sở giáo dục đại học dùng làm tài liệu tham khảo cho giảng viên và người học;

d) “Sách hướng dẫn” là sách được cơ sở giáo dục đại học sử dụng để hướng dẫn cho người học, hướng dẫn thực tập môn học, thực tập theo giáo trình, thực tập trong bệnh viện, thực tập trong cơ sở sản xuất; từ điển chuyên ngành.

7. “Bài báo khoa học” là công trình khoa học của tác giả đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN.

Điều 3. Các trường hợp thay đổi chức danh nghề nghiệp

1. Xét chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác tương ứng cùng mức độ phức tạp công việc theo yêu cầu của vị trí việc làm;

2. Thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

3. Được xét thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn tương ứng với chức danh được công nhận trong trường hợp được công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Chương II

THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 4. Nguyên tắc xét cử viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy

Hội đồng lương xem xét danh sách viên chức đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Hiệu trưởng quyết định dựa trên nguyên tắc sau:

1. Viên chức đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 6, 7, 8, 9, 10 Quy định này.

2. Nếu số viên chức có nguyện vọng thăng hạng và có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định nhiều hơn định mức viên chức được cử hàng năm thì Hội đồng lương sẽ xem xét theo thứ tự ưu tiên sau:



- a) Viên chức có công trình nghiên cứu khoa học, sách phục vụ đào tạo được tính điểm nhiều hơn;
- b) Viên chức có số năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều hơn;
- c) Đơn vị nơi viên chức đang công tác chưa có giảng viên chính hoặc giảng viên cao cấp;
- d) Viên chức có số năm công tác tại trường nhiều hơn;
- e) Viên chức còn 5 năm đến tuổi nghỉ hưu;
- f) Viên chức đang giữ chức vụ quản lý.

Điều 5. Trách nhiệm của viên chức đăng ký dự thi và các đơn vị liên quan

1. Viên chức đăng ký dự thi có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ đầy đủ, đúng quy định và nộp đúng thời hạn; chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi có yêu cầu, viên chức có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu.

2. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm hỗ trợ viên chức hoàn tất hồ sơ như sau:

a) Trường/Phụ trách các đơn vị có viên chức đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm nhận xét, đánh giá viên chức về các nội dung trong mẫu.

b) Trung tâm Học liệu chịu trách nhiệm xác nhận về việc sách, giáo trình của viên chức đã được đưa vào sử dụng (nếu không có quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng);

c) Phòng Hợp tác và Quản lý khoa học chịu trách nhiệm xác nhận đề tài, bài báo, công trình NCKH của viên chức;

d) Khoa Đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm xác nhận về hướng dẫn luận văn thạc sỹ, tiến sỹ của viên chức;

đ) Phòng Tổ chức – Nhân sự kiểm tra, xem xét và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) - Mã số: V.07.01.02

Viên chức giảng dạy được xem xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03;

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II);

3. Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) quy định tại Điều 7 Quy định này.

4. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II);

5. Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

6. Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III): phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sỹ, đủ 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sỹ; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Điều 7. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của Giảng viên chính (hạng II)

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng thạc sỹ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học; hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) được cấp trước ngày 30/06/2022.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

a) Có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b) Hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công đảm nhiệm; nắm bắt kịp thời yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;

c) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo (bao gồm Giáo trình, Sách chuyên khảo, Sách tham khảo, Sách hướng dẫn), được hội đồng khoa học (do Hiệu trưởng phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;

đ) Tác giả của ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên chính (hạng II).

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) - Mã số: V.07.01.01

Viên chức giảng dạy được xem xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02;

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I);

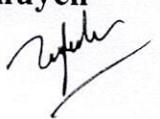
3. Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 9 Quy định này.

4. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I);

5. Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

6. Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II): phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 (sáu) năm; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng II), mã số V.07.01.02 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

Điều 9. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của Giảng viên cao cấp (hạng I)



1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tiến sỹ phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học; hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) được cấp trước ngày 30/06/2022.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

a) Có kiến thức chuyên sâu về các môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức vững vàng của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b) Nắm vững thực tế và xu thế phát triển của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của chuyên ngành;

c) Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

d) Hướng dẫn ít nhất 02 (hai) học viên được cấp bằng thạc sỹ hoặc hướng dẫn chính hoặc phụ ít nhất 01 (một) nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sỹ;

Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp 02 (hai) lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại điểm c khoản này;

d) Chủ trì biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo (bao gồm Giáo trình, Sách chuyên khảo, Sách tham khảo, Sách hướng dẫn), được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;

e) Tác giả của ít nhất 06 (sáu) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên cao cấp (hạng I).

Điều 10. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

1. Tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hòa nhã với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh (sau đây gọi chung là người học); bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng nội quy, quy chế của Trường và các quy định pháp luật của ngành giáo dục.

3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

Điều 11. Kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được tính điểm quy đổi trong việc xét thăng hạng

1. Kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được tính điểm quy đổi (chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này) gồm:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

b) Bài báo khoa học;

c) Sách phục vụ đào tạo: Sách chuyên khảo, sách giáo trình, sách tham khảo, sách hướng dẫn;

d) Kết quả hướng dẫn học viên được cấp bằng thạc sỹ; hướng dẫn nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sỹ;

đ) Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế đối với giảng viên giảng dạy các ngành thể dục thể thao.

2. Mỗi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được quy đổi tại khoản 1 Điều này phải có nội dung phù hợp với ngành, chuyên ngành đang giảng dạy của viên chức, phù hợp với vị trí việc làm mà viên chức đang đảm nhiệm. Đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01, điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được tính từ sau khi viên chức được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 hoặc tương đương.

3. Bài báo khoa học, sách phục vụ đào tạo đã công bố có nội dung trùng lặp từ 30% trở lên với công trình khác của cùng tác giả chỉ được tính điểm quy đổi một lần. Không thực hiện tính điểm quy đổi đối với sách phục vụ đào tạo, bài báo khoa học được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tính điểm quy đổi.

4. Kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số điểm, số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng thành viên tham gia, kể cả tác giả chính; trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số điểm còn lại được chia đều cho các thành viên tham gia, kể cả tác giả chính. Trường hợp không thể xác định được tác giả chính thì chia đều cho từng người

Điều 12. Nội dung, hình thức và thời gian thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Môn kiến thức chung:

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm;

b) Nội dung thi: 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về ngành, lĩnh vực sự nghiệp, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi;

c) Thời gian thi: 60 phút.

3. Môn ngoại ngữ:

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm;

b) Nội dung thi: 30 câu hỏi về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp quyết định;

c) Thời gian thi: 30 phút.

3. Môn tin học:

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm;

b) Nội dung thi: 30 câu hỏi theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi;

c) Thời gian thi: 30 phút.

4. Môn nghiệp vụ chuyên ngành:

a) Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I: Thi viết đề án, thời gian 08 tiếng và thi bảo vệ đề án, thời gian tối đa 30 phút theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi. Thi viết đề án và thi bảo vệ đề án được chấm với thang điểm 100 cho mỗi bài thi;

b) Đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II: Thi viết, thời gian 180 phút theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi, thang điểm 100;

5. Trường hợp thi trắc nghiệm trên máy vi tính thì không phải thi môn tin học. Điểm thi tin học được thông báo cho viên chức dự thi được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

6. Miễn thi môn ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

a) Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;

b) Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

c) Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi;

d) Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

7. Miễn thi môn tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

Điều 13. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp của đơn vị tổ chức thi

1. Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 12 Quy định này, trừ trường hợp miễn thi.

2. Có tổng kết quả điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành quy định tại khoản 4 Điều 12 Quy định này đạt từ 50 điểm trở lên, trường hợp thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I thì phải đạt từ 100 điểm trở lên (trong đó điểm bài thi viết đề án và bài thi bảo vệ đề án phải đạt từ 50 điểm trở lên) và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

3. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng kết quả điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau ở chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: Viên chức là nữ; viên chức là người dân tộc thiểu số; viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh); viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản trao đổi với người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

4. Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

Điều 14. Nội dung và hình thức xét thăng hạng

1. Nội dung xét thăng hạng:

Xét hồ sơ, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng và thẩm định, quy đổi điểm công trình khoa học.

2. Hình thức xét thăng hạng:

Việc xét thăng hạng được thực hiện qua các bước như sau:

a) Bước 1: Xét hồ sơ và thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định.

b) Bước 2: Thẩm định, quy đổi điểm công trình khoa học đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đã đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định.

Điều 15. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng của đơn vị tổ chức xét thăng hạng

1. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số: V.07.01.02 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, trong đó điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi đạt tối thiểu 3,5 (ba phẩy năm) điểm và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

b) Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số: V.07.01.01 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, trong đó điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi đạt tối thiểu 8,0 (tám) điểm và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

2. Trường hợp có từ 02 (hai) người trở lên có điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau: Viên chức là nữ; Viên chức là người dân tộc thiểu số; Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn; Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh).

3. Viên chức không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không được bảo lưu kết quả cho các kỳ xét thăng hạng lần sau.

Điều 16. Phúc khảo kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả điểm thi hoặc xét thăng hạng, viên chức dự thi có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả điểm bài thi môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ, môn tin học (trong trường hợp thi trắc nghiệm trên giấy) và bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành.



Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức sẽ công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.

Điều 17. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Thành phần hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành (Mẫu số 2) được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của Trường;

b) Bản nhận xét, đánh giá của Hiệu trưởng về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định (Mẫu 3a; Mẫu 3b);

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học quy định tại khoản 6, 7 Điều 12 Quy định này thì được miễn chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học;

d) Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, quyết định, hợp đồng phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật. Đối với bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành. Đối với trường hợp được cử đi học nước ngoài theo đề án, thỏa thuận hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể thay thế Bản sao công nhận văn bằng bởi Bản sao quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký dự thi:

Bộ hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định như sau:

a) Viên chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, đóng bìa, có mục lục và đánh số trang;

b) Bộ hồ sơ được đóng thành một tập, gồm các tài liệu và được sắp xếp theo thứ tự; các bài báo khoa học và sách phục vụ đào tạo được sắp xếp theo từng loại công trình theo thứ tự thời gian.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm.

Điều 18. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Viên chức trúng tuyển được bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

b) Chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

c) Đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I sẽ do Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm và xếp lương sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ.

d) Đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II sẽ do Hiệu trưởng bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp.

2. Nguyên tắc xếp lương khi được thăng hạng:

a) Trường hợp chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở chức danh nghề nghiệp cũ thì căn cứ vào hệ số lương đang hưởng ở chức danh nghề nghiệp cũ để xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở chức danh nghề nghiệp mới. Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới.

Thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở chức danh nghề nghiệp mới được tính như sau: Nếu chênh lệch giữa hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp mới so với hệ số lương đang hưởng ở chức danh nghề nghiệp cũ bằng hoặc lớn hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở chức danh nghề nghiệp cũ, thì được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới; nếu nhỏ hơn chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở chức danh nghề nghiệp cũ, thì được tính kể từ ngày xếp hệ số lương đang hưởng ở chức danh nghề nghiệp cũ.

b) Trường hợp đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở chức danh nghề nghiệp cũ, thì căn cứ vào tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung

đang hưởng ở chức danh nghề nghiệp cũ để xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất ở chức danh nghề nghiệp mới.

Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới và thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới.

c) Trường hợp có tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở chức danh nghề nghiệp cũ lớn hơn hệ số lương ở bậc cuối cùng trong chức danh nghề nghiệp mới, thì xếp vào hệ số lương ở bậc cuối cùng trong chức danh nghề nghiệp mới và được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng tổng hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở chức danh nghề nghiệp cũ.

Thời gian hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới (kể cả hệ số chênh lệch bảo lưu) và thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở chức danh nghề nghiệp mới được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới.

Hệ số chênh lệch bảo lưu tại điểm c này (tính tròn số sau dấu phẩy 2 số) được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới. Sau đó, nếu viên chức tiếp tục được thăng hạng hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp khác, thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm khi thăng hạng hoặc chuyển chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Điều 19. Hỗ trợ kinh phí đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng I, hạng II

1. Viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng I, hạng II sẽ được Trường hỗ trợ kinh phí gồm:

a) 100% Học phí khóa bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học hoặc học phí khóa bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính, giảng viên cao cấp (cấp trước ngày 30/06/2022)

b) 100% Lệ phí thi;

c) Các chi phí khác nếu được Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Thủ tục thanh toán: viên chức lập Bảng đề nghị thanh toán (theo mẫu của Phòng TCKT) kèm chứng từ hóa đơn học phí, biên lai lệ phí, quyết định bổ nhiệm và xếp lương.

Điều 20. Quy trình thực hiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên

1. Bước 1: Lập kế hoạch cử viên chức thi hoặc xét thăng hạng

Hàng năm, căn cứ vào số lượng vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, Trường xác định số lượng viên chức được cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Bước 2: Thông báo kế hoạch kỳ thi hoặc xét thăng hạng khi có thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

3. Bước 3: Nhận hồ sơ đăng ký của viên chức (theo quy định tại Điều 17 Quy định này);

4. Bước 4: Tổ chức họp Hội đồng lương xét duyệt danh sách viên chức cử tham dự thi hoặc xét thăng hạng.

5. Bước 5: Trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách viên chức được cử thi hoặc xét thăng hạng

6. Bước 6: Lập hồ sơ, danh sách viên chức được đề nghị cử thi hoặc xét thăng hạng gửi Cục Nhà Giáo và Quản lý giáo dục

7. Bước 7: Gửi thông báo cho viên chức dự thi về tài liệu, lịch ôn thi, thời gian, địa điểm thi của đơn vị tổ chức thi.

8. Bước 8: Gửi thông báo kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

9. Bước 9: Bổ nhiệm và xếp lương.

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Phòng Tổ chức – Nhân sự trình Hiệu trưởng:

a) Quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng 2)

b) Hồ sơ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng 1)

10. Bước 10: Lưu giữ, quản lý hồ sơ theo quy định; Cập nhật diễn biến lương và thực hiện truy lãnh lương cho viên chức (nếu có); Hỗ trợ viên chức trong thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ.

Chương III

CHUYỂN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN (HẠNG III)

Điều 21. Nguyên tắc xét chuyển chức danh nghề nghiệp



1. Viên chức được xét chuyển chức danh nghề nghiệp khi viên chức thay đổi vị trí việc làm mà chức danh nghề nghiệp đang giữ không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm mới.

2. Viên chức được xét chuyển chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được chuyển.

Điều 22. Chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) - Mã số: V.07.01.03

Nhằm tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho viên chức, Trường sẽ xem xét chuyển chức danh nghề nghiệp cho viên chức đang làm việc tại các vị trí việc làm giữ chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, có tham gia giảng dạy, có nguyện vọng chuyển sang chức danh giảng viên với điều kiện, tiêu chuẩn như sau:

a) Có 3 năm liên tiếp gần nhất được đánh giá chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Khoa (có các môn học phù hợp chuyên ngành mà viên chức tham gia giảng dạy) có nhu cầu về giảng viên hoặc còn thiếu so với Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt;

c) Viên chức đang được tham gia giảng dạy các môn đúng chuyên ngành tại Trường;

d) Giảng dạy đạt yêu cầu trở lên;

đ) Có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học;

e) Ưu tiên viên chức có bài báo khoa học hoặc có thành tích trong nghiên cứu khoa học;

g) Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) quy định tại Điều 23 Quy định này.

Điều 23. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của Giảng viên (hạng III)

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng thạc sỹ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học; hoặc chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), được cấp trước ngày 30/06/2022.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công giảng dạy; có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;

b) Hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo. Xác định được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;

c) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên;

d) Có khả năng nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào giảng dạy và các công việc được giao;

đ) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên (hạng III).

Điều 24. Hồ sơ đăng ký chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III)

1. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Đơn xin chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III);

b) Bản nhận xét, đánh giá của Trường/Phụ trách đơn vị về quá trình công tác (Mẫu số 3)

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III);

d) Đề cương môn học giảng thử;

đ) Các bài báo, quyết định giao đề tài, nghiệm thu đề tài (nếu có)

2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ:

Bộ hồ sơ đăng ký chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên theo quy định như sau:

a) Viên chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, đóng bìa, có mục lục và đánh số trang;

b) Bộ hồ sơ được đóng thành một tập, gồm các tài liệu và được sắp xếp theo thứ tự; các bài báo khoa học và sách phục vụ đào tạo được sắp xếp theo từng loại công trình theo thứ tự thời gian.

Hồ sơ đăng ký của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm.

Điều 25. Quy trình thực hiện chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III)

1. Bước 1: Lập kế hoạch chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III)

Hàng năm, căn cứ vào số lượng vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, Trường xác định số lượng viên chức được xét chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III);

2. Bước 2: Phòng TCNS rà soát văn bằng, chứng chỉ, vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, lập danh sách báo cáo các trường hợp cần chuyển chức danh nghề nghiệp cho phù hợp;

3. Bước 3: Thông báo kế hoạch xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức;

4. Bước 4: Nhận hồ sơ đăng ký của viên chức (theo quy định tại Điều 24 Quy định này);

5. Bước 5: Tổ chức họp Hội đồng lương xét duyệt danh sách viên chức đủ điều kiện chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III).

6. Bước 6: Thông báo đến viên chức, đơn vị liên quan danh sách viên chức đủ điều kiện.

7. Bước 7: Tổ chức phỏng vấn xét duyệt viên chức có tên theo danh sách tại bước 5 gồm đại diện hội đồng lương và khoa.

8. Bước 8: Khoa mà viên chức sẽ tham gia giảng dạy tổ chức buổi giảng thử cho viên chức; Gửi hồ sơ về Phòng TCNS gồm: Biên bản họp; báo cáo kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của viên chức;

9. Bước 9: Tổ chức họp Hội đồng lương xét duyệt danh sách viên chức đạt tiêu chuẩn chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên.

10. Bước 10: Trình Hiệu trưởng phê duyệt kết quả và ban hành quyết định chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III).

11. Bước 11: Bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức được chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III); Lưu giữ, quản lý hồ sơ theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 07 năm 2022.

2. Phòng TCNS có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện và đảm bảo việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp và thi thăng hạng viên chức công khai, dân chủ, đúng qui định.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Phòng TCNS để xem xét, giải quyết. /

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hà

Phụ lục

**CÁCH TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ
ÁP DỤNG TRONG VIỆC XÉT THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY**
(Kèm theo Quy định số /2022/QĐ-ĐHM ngày //2022 của Hiệu trưởng Trường
Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được tính điểm quy đổi	Điểm quy đổi
I	Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu từ mức đạt trở lên	
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia	3,0 điểm
2	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia	1,0 điểm
3	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh	1,0 điểm
4	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh	0,5 điểm
5	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	0,5 điểm
II	Bài báo khoa học	Cho điểm tối đa theo khung điểm đối với các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định
III	Sách phục vụ đào tạo đã xuất bản	
1	Sách chuyên khảo về vấn đề khoa học liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực	3,0 điểm
2	Sách chuyên khảo về vấn đề khoa học trong phạm vi ngành, lĩnh vực	2,0 điểm
3	Giáo trình được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt	3,0 điểm
4	Giáo trình được Hiệu trưởng phê duyệt, lựa chọn	2,0 điểm
5	Sách tham khảo	1,5 điểm
6	Sách hướng dẫn	1,0 điểm
IV	Kết quả đào tạo	
1	Hướng dẫn chính nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sỹ	2,0 điểm
2	Hướng dẫn phụ nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sỹ	1,0 điểm
3	Hướng dẫn học viên được cấp bằng thạc sỹ	0,5 điểm

Mẫu số 2

Mẫu SYLLVC ban hành kèm theo
Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày
18/12/2012 của Bộ Nội vụ

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý viên
chức.....

Số hiệu viên chức:

Cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh
màu
(4 x 6
cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
- 2) Tên gọi khác:.....
- 3) Sinh ngày:tháng.....năm....., Giới tính (nam, nữ):
4. Nơi sinh: Xã, Huyện....., Tỉnh
- 5) Quê quán: Xã, Huyện....., Tỉnh
- 6) Dân tộc:, 7) Tôn giáo:
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

- 9) Nơi ở hiện nay:

(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:
- 11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng:
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:

(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)

- 13) Công việc chính được giao:
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:Mã số:

Bậc lương:..., Hệ số:..., Ngày hưởng:/.../..., Phụ cấp chức vụ:.... Phụ cấp khác:....

- 15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
- 15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:

(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)

- 15.3- Lý luận chính trị:15.4- Quản lý nhà nước:.....

(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương)(Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự)

- 15.5- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.....
- 15.6- Ngoại ngữ:15.7- Tin học:.....

(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)

- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/.../..., Ngày chính thức:...../.../...

29) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

Tháng/năm									
Mã CDNN/bậc									
Hệ số lương									

30) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HOẶC SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....

....., Ngày....tháng.....năm 20...

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên
 đây là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC
(Dùng cho chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên)

Họ và tên viên chức:

Đơn vị công tác:

1 - Phẩm chất đạo đức:

.....
.....
.....

2 - Năng lực chuyên môn:

.....
.....
.....

3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:

.....
.....
.....

4 - Quan hệ với đồng nghiệp:

.....
.....
.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu về giảng viên của Khoa, chúng tôi đề nghị chuyển chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) cho Ông (Bà)

TP.HCM, ngày tháng ... năm 20...

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC
(Dùng cho thi thăng hạng Giảng viên chính)

Họ và tên viên chức:

Đơn vị công tác:

1 - Phẩm chất đạo đức:

.....
.....
.....

2 - Năng lực chuyên môn:

.....
.....
.....

3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:

.....
.....
.....

4 - Quan hệ với đồng nghiệp:

.....
.....
.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ giảng dạy ở chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính, chúng tôi nhất trí cử Ông (Bà) tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên lên Giảng viên chính năm 20...

TP.HCM, ngày tháng ... năm 20...

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC
(Dùng cho thi thăng hạng Giảng viên cao cấp)

Họ và tên viên chức:

Đơn vị công tác:

1 - Phẩm chất đạo đức:

.....
.....
.....

2 - Năng lực chuyên môn:

.....
.....
.....

3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:

.....
.....
.....

4 - Quan hệ với đồng nghiệp:

.....
.....
.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ giảng dạy ở chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp, chúng tôi nhất trí cử Ông (Bà) tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên chính lên Giảng viên cao cấp năm 20....

TP.HCM, ngày tháng năm 20...

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hà

**DANH SÁCH VIỆN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 20.....**

(Kèm theo Công văn số/DHM ngày tháng ... năm 20... của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hàng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hàng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số hàng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hàng dự thi			Cơ chế công trình khoa học theo quy định	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Khối ngành	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Trình độ chuyên môn		Trình độ lý luận chính trị	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)		Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1																		
2																		
...																		

Danh sách này có: người.

TP.HCM, ngày tháng năm 20....

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hà